

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 89 + 90

Ngày 01 tháng 11 năm 2021

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

17-9-2021- Quyết định số 3362/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

(Tiếp theo Công báo số 88 + 89)

QUY TRÌNH

Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
A. Trường hợp xác nhận nguồn gốc			
1	Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với trường hợp có sử dụng tàu cá để khai thác thủy sản	01	Bản sao
3	Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm	01	Bản sao
4	Hợp đồng thuê tàu cá đối với trường hợp tổ chức, cá nhân được cấp Văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm sử dụng tàu cá để khai thác nhưng không phải là chủ tàu	01	Bản sao
5	Báo cáo khai thác thủy sản, nhật ký khai thác thủy sản	01	Bản sao
B. Trường hợp xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực			
1	Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Tài liệu chứng minh nguồn gốc mẫu vật khai thác từ tự nhiên có xác nhận của Tổ chức quản lý cảng cá hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tại thời điểm khai thác hoặc hợp đồng mua, bán, cho, tặng có công chứng tại thời điểm mua, bán, cho, tặng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân không phải là người trực tiếp khai thác.	01	Bản sao

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	- Trường hợp xác nhận nguồn gốc: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**A. Trường hợp xác nhận nguồn gốc**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. * Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 06 BM 05 hoặc Văn bản từ chối	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, cùng Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế điều kiện; tổng hợp, đề xuất kết quả giải quyết: - Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện: lập Dự thảo Giấy xác nhận theo BM 05 - Trường hợp không đáp ứng điều kiện: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng	0,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy xác

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	(04 giờ)		nhận/ Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy xác nhận/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

B. Trường hợp xác nhận mẫu vật loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm được khai thác từ tự nhiên trước thời điểm quy định cấm khai thác có hiệu lực

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Đối với trường hợp nộp hồ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ	Chuyên viên Phòng	04 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản		BM06 BM05 hoặc Văn bản từ chối	<p>hồ sơ, cùng Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế điều kiện; tổng hợp, đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cơ sở đáp ứng điều kiện: lập Dự thảo Giấy xác nhận theo BM 05 - Trường hợp không đáp ứng điều kiện: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy xác nhận/ Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy xác nhận/ Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu 35.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Biên bản làm việc

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu 32.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Giấy xác nhận nguồn gốc (theo Mẫu 35.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Biên bản làm việc
7	//	Hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

... .., ngày... .. tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước về buôn bán quốc tế động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm khai thác từ tự nhiên

Kính gửi: (Tên cơ quan xác nhận).

- Tên tổ chức/cá nhân đề nghị:
- Đại diện (nếu là tổ chức):
- Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):
- Điện thoại..... Fax.....; Email.....
- Giấy đăng ký kinh doanh hoặc Quyết định thành lập (nếu có):
- Mã số trại nuôi sinh trưởng, sinh sản, trồng cây nhân tạo (nếu có):... ..
- Địa điểm kiểm tra xác nhận nguồn gốc:

Đề nghị xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục của Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý hiếm từ nuôi trồng thủy sản/khai thác từ tự nhiên, cụ thể:

- Áp dụng đối với trường hợp xác nhận nguồn gốc khai thác từ tự nhiên

Số văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm số:.... ngày ... tháng	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ¹ (Nếu sử dụng tàu cá)	Vùng ² / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn gốc (con hoặc kg)	Tổng số lượng hoặc khối lượng được phép khai thác (con hoặc kg)	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác nhận (con hoặc kg) ³	Ghi chú

¹Nghề khai thác theo mã đã được quy định.²Vùng khai thác theo mã đã được quy định.³Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc.

năm do Tổng cục Thủy sản cấp. Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)								

Thông tin khác: (nếu có)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu nếu có)

TÊN ĐƠN VỊ CẤP TRÊN TÊN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐƠN VỊ XÁC NHẬN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /XNNG-CCTS

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN NGUỒN GỐC

**Loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế
về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp,
quý hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên**

Kính gửi: (Tên tổ chức/cá nhân đề nghị xác nhận).

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017; Nghị định số /2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Sau khi xem xét hồ sơ và kết quả kiểm tra thực tế,(Tên cơ quan quản lý thủy sản cấp tỉnh) xác nhận cho:

Tổ chức/cá nhân:

Đại diện (nếu là tổ chức):

Địa chỉ thường trú/trụ sở công ty (nếu là tổ chức):

Điện thoại..... Fax.....; Email.....

Đã khai thác từ tự nhiên loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm theo Văn bản chấp thuận số: có thời hạn từ ngày..... đến ngày....., cụ thể:

Tên loài được phép khai thác (tên thông thường)	Tên khoa học	Tên tàu/số đăng ký, (Nghề khai thác) ¹	Vùng ² / khu vực khai thác	Ngày khai thác	Số lượng hoặc khối lượng của loài được xác nhận nguồn	Tổng số lượng hoặc khối lượng	Số lượng hoặc khối lượng lũy kế tại thời điểm xác	Ghi chú

¹Nghề khai thác theo mã đã được quy định;

²Vùng khai thác theo mã đã được quy định.

		(Nếu sử dụng tàu cá)			gốc (con hoặc kg)	được phép khai thác (con hoặc kg)	nhận (con hoặc kg) ¹	

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VT.

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN CẤP
TỈNH**

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

¹Tổng số cá thể hoặc khối lượng loài đã được xác nhận nguồn gốc.

CHI CỤC THỦY SẢN TP.HỒ CHÍ MINH
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BBLV-KTra

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng...năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi.....giờ.....ngày .../...../20....., tại

.....Đoàn kiểm tra tiến hành làm việc với

..... về việc

1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

2. Đại diện

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

3. Nội dung làm việc:

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi giờ ngày /..... /.....

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện Đoàn kiểm tra

Đại diện cơ sở

Người ghi biên bản

QUY TRÌNH**Xóa đăng ký tàu cá**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ khai xóa đăng ký tàu cá (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do.	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Đối với trường hợp nộp hồ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản từ chối	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy chứng nhận theo BM 05</p> <p>- Trường hợp hồ sơ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận/Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy chứng nhận/ Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai xóa đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai xóa đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký **(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản**

The ship Registration office *Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)*

(3) Tên phương tiện

Name of transport facility

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**Independence - Freedom - Happiness***GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ***Certificate of deregistration of Fishing Vessel*

.....(1).... Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được xóa đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá quốc gia:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered from the Viet Nam National ships registration book:

Tên(3)..... Hồ hiệu/Số IMO:.....

Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỷ lệ sở hữu tàu):.....

Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:

Number of registration

Ngày đăng ký:

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký:

Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:

Date of deregist

Số đăng ký:..... Cấp tại....., ngày....tháng...năm

Number of registration

Issued at... .. , on... ..

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký

(2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

The ship Registration office

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên tàu

Name of transport facility

QUY TRÌNH

**Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng,
thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm Nhóm II và động vật, thực vật
hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III của CITES**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

**Trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II
CITES**

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Phương án nuôi đối với cơ sở nuôi động vật (theo Mẫu) hoặc Phương án trồng đối với cơ sở trồng thực vật (theo Mẫu)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	- Trường hợp không kiểm tra thực tế: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. - Trường hợp có kiểm tra thực tế: 30 ngày (trương đương 22 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC**A. Trường hợp không kiểm tra thực tế**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Dự thảo cấp mã số hoặc Văn bản từ chối	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ; đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo cấp mã số cơ sở. Thực hiện tiếp bước B5-B8. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập Dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp mã số cơ sở và nêu rõ lý do. Thực hiện tiếp bước B4.1-B4.3. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B4.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy văn bản trả lời từ chối cấp mã số cơ sở trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B4.2	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt văn bản trả lời từ chối cấp mã số cơ sở.
B4.3	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu và ban hành văn bản
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển	02 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		nguồn lợi thủy sản			
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt kết quả thủ tục hành chính.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

B. Trường hợp kiểm tra thực tế

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 Văn bản từ chối	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ; đề xuất kết quả giải quyết:</p> <p>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: thực hiện tiếp bước B5-B9.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập Dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp mã số cơ sở và nêu rõ lý do. Thực hiện tiếp bước B4.1-B4.3.</p>
B4.1	Thẩm xét hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét, ký nháy văn bản trả lời từ chối cấp mã số cơ sở trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		thủy sản			
B4.2	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt văn bản trả lời từ chối cấp mã số cơ sở.
B4.3	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, vào sổ, đóng dấu và ban hành văn bản
B5	Kiểm tra thực tế, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	17 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 Dự thảo cấp mã số	- Tổ chức phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra thực tế, lập biên bản kiểm tra theo BM 07 và dự thảo cấp mã số cơ sở nuôi, trồng. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B7	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	1,5 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt kết quả thủ tục hành chính.
B8	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B9	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Phương án nuôi đối với cơ sở nuôi động vật (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Phương án trồng đối với cơ sở trồng thực vật (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)
7	BM 07	Biên bản làm việc

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đề nghị cấp mã số cơ sở nuôi, trồng (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Phương án nuôi đối với cơ sở nuôi động vật (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Phương án trồng đối với cơ sở trồng thực vật (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 06/2019/NĐ-CP)
7	BM 07	Biên bản làm việc
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐỀ NGHỊ CẤP MÃ SỐ CƠ SỞ NUÔI, TRỒNG CÁC LOÀI THỰC VẬT RỪNG,
ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM; ĐỘNG VẬT, THỰC VẬT HOANG
DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC CITES**

Kính gửi:

1. Tên và địa chỉ:

Tên của tổ chức, cá nhân đề nghị:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: Fax (nếu có):.....

2. Địa chỉ cơ sở nuôi, trồng:.....

3. Nội dung đề nghị cấp đăng ký: Cấp mới ; Cấp bổ sung

4. Mục đích nuôi, trồng:

Phi thương mại ; Thương mại trong nước ; Xuất khẩu thương mại

5. Các loài nuôi, trồng:

STT	Tên loài		Số lượng (cá thể)	Nguồn gốc	Ghi chú
	Tên thông thường	Tên khoa học			
1					
2					
3					
...					

6. Các tài liệu kèm theo:

- Hồ sơ nguồn gốc;

- ...

Địa điểm ..., ngày tháng ... năm ...

Ký tên

(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện và đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)

PHƯƠNG ÁN**NUÔI ĐỘNG VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM NHÓM IIB;
ĐỘNG VẬT HOANG DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC II, III CITES**

1. Tên và địa chỉ của cơ sở:.....
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:.....
Số CMND/căn cước công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
3. Loài đăng ký nuôi sinh sản (tên khoa học và tên thông thường):.....
4. Thông tin chi tiết về số lượng và tuổi của con đực, cái trong đàn giống sinh sản:
5. Tài liệu chứng minh các con giống đó được đánh bắt hợp pháp theo quy định tại Nghị định, CITES:
6. Bản đánh giá nhu cầu và nguồn cung cấp mẫu vật để tăng cường nguồn giống sinh sản nhằm phát triển nguồn gen:
7. Loại sản phẩm đối với các cơ sở nuôi thương mại (động vật sống, da, xương, huyết thanh, các bộ phận hoặc dẫn xuất khác):.....
8. Mô tả cơ sở hạ tầng của cơ sở nuôi: diện tích, công nghệ chăn nuôi, cung cấp thức ăn, khả năng thú y, vệ sinh môi trường và cách thức lưu trữ thông tin:
9. Thuyết minh và cam kết về những đóng góp cho công tác bảo tồn loài:
 - Số lượng cá thể đực, cái thuần chủng, độ tuổi của động vật tái thả lại khu vực phân bố tự nhiên của loài hoặc trao đổi với các cơ sở nuôi không vì mục đích thương mại.
 - Đóng góp khác cho bảo tồn (giáo dục thiên nhiên, tài trợ cho các dự án bảo tồn...)
10. Mô tả các rủi ro và các biện pháp xử lý rủi ro:
 - Các rủi ro đối với môi trường tự nhiên (nếu có) và các biện pháp phòng, chống rủi ro này;
 - Các rủi ro đối với an toàn của con người và vật nuôi khác và các biện pháp phòng chống rủi ro này;

- Các rủi ro về dịch bệnh và các biện pháp phòng chống dịch bệnh;

- Các rủi ro khi động vật thoát khỏi chuồng/cơ sở nuôi hoặc bị đánh cắp; mô tả các biện pháp phòng, chống động vật thoát ra ngoài môi trường tự nhiên đối với loài được nuôi tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài./.

Địa điểm ..., ngày tháng ... năm ...

Ký tên

*(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện
và đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)*

PHƯƠNG ÁN

TRỒNG THỰC VẬT RỪNG NGUY CẤP, QUÝ, HIẾM NHÓM IIA; CÁC LOÀI THỰC VẬT
HOANG DÃ NGUY CẤP THUỘC PHỤ LỤC II, III CITES

1. Tên và địa chỉ của cơ sở:
2. Họ, tên chủ cơ sở hoặc người đại diện:
- Số CMND/căn cước công dân/Hộ chiếu:.....Ngày cấp:..... Nơi cấp:
3. Loài đăng ký trồng (tên khoa học và tên thông thường):
4. Mô tả số lượng nguồn giống khai thác hợp pháp từ tự nhiên:
5. Mô tả điều kiện hạ tầng và phương thức trồng:.....
6. Sản lượng hàng năm trước đây, hiện tại và dự kiến trong các năm tới:.....
7. Tài liệu chứng minh nguồn gốc giống hợp pháp theo của loài đăng ký trồng.
8. Thuyết minh và cam kết về những đóng góp cho công tác bảo tồn loài đối với trường hợp trồng không vì mục đích thương mại:
 - Số lượng thực vật thuần chủng và độ tuổi của thực vật tái trồng lại khu vực phân bố tự nhiên của loài hoặc trao đổi với các cơ sở trồng không vì mục đích thương mại.
 - Đóng góp khác cho bảo tồn (giáo dục thiên nhiên, tài trợ cho các dự án bảo tồn...)
9. Mô tả các biện pháp phòng, chống sự phát tán của thực vật ra môi trường tự nhiên đối với loài được trồng tại khu vực không phải là khu vực phân bố tự nhiên của loài./.

Địa điểm ..., ngày tháng ... năm ...

Ký tên

*(Tổ chức: ghi rõ họ, tên, chức vụ của người đại diện
và đóng dấu; cá nhân: ghi rõ họ, tên)*

CHI CỤC THỦY SẢN TP.HỒ CHÍ MINH
ĐOÀN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../BBLV-KTra

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày.....tháng...năm

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi.....giờ.....ngày /...../20....., tại

.....Đoàn kiểm tra tiến hành làm việc với

..... về việc

1. Đại diện Đoàn kiểm tra:

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

2. Đại diện

- Ông (bà) chức vụ

- Ông (bà) chức vụ

3. Nội dung làm việc:

.....

.....

.....
.....
.....
.....

Biên bản kết thúc vào hồi giờ ngày /..... /.....

Biên bản đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

Đại diện Đoàn kiểm tra

Đại diện cơ sở

Người ghi biên bản

QUY TRÌNH**Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
A. Trường hợp cấp mới Giấy phép			
1	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá và giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải đăng kiểm	01	Bản sao
3	Văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá đối với loại tàu cá theo quy định phải có văn bằng hoặc chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá	01	Bản sao
B. Trường hợp cấp lại Giấy phép			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp (trong trường hợp thay đổi thông tin trong giấy phép)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
A. Trường hợp cấp mới		
- Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	40.000 đồng/lần

<p>- Nộp hồ sơ trực tuyến: Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố Hồ Chí Minh - https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p>		
B. Trường hợp cấp lại		
<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến: Cổng dịch vụ công trực tuyến của Thành phố Hồ Chí Minh - https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	20.000 đồng/lần

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

A. Trường hợp cấp mới

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua trang thông tin điện tử https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/: Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	3,5 ngày làm việc	Theo mục I BM01 BM06 hoặc Văn bản từ chối	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản theo BM 06. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy phép khai thác thủy sản và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy phép/Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy phép/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

B. Trường hợp cấp lại

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua trang thông tin điện tử https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		nguồn lợi thủy sản			
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM01 BM06 hoặc Văn bản từ chối	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy phép khai thác thủy sản theo BM 06. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy phép khai thác thủy sản và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy phép/Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy phép/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu số 02.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu số 03.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Giấy phép khai thác thủy sản (theo Mẫu số 04.KT Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
7	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thủy sản;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

- Thông tư số 118/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài chính về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:.....

Họ, tên chủ tàu Điện thoại:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Mã số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung như sau:

Tên tàu:; Loại tàu:

Số đăng ký tàu:

Ngư trường hoạt động:

Cảng cá đăng ký cập tàu:

Nghề khai thác chính:..... Nghề phụ:

Tôi/chúng tôi xin cam đoan sử dụng tàu để đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:

Tên chủ tàu:Điện thoại:

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/mã số định danh cá nhân:

.....

Tôi đã được cấp Giấy phép khai thác thủy sản số:...../20.../AA-GPKTTS; cấp ngày tháng năm; hết thời hạn ngày tháng năm

Đề nghị cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản với lý do (nêu rõ lý do đề nghị cấp lại và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh sự thay đổi thông tin):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản để tôi tiếp tục hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY PHÉP
KHAI THÁC THỦY SẢN

Số:/20.../AA^()-GPKTTS*

Tên tàu (nếu có):

Số đăng ký:

Mặt trước của giấy phép

CƠ QUAN CẤP TRÊN TRỰC TIẾP
CƠ QUAN CẤP PHÉP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Số:...../20../AA^(*)-GPKTTS

Căn cứ Luật Thủy sản năm 2017;

Căn cứ Nghị định số.....ngày....tháng....năm ...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP PHÉP

Tên chủ tàu:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại (nếu có):

Số đăng ký tàu cá:

Cảng cá đăng ký cập tàu:

Sản lượng được phép khai thác: tấn/năm (nếu có).

Được phép đánh bắt nguồn lợi thủy sản/hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản^():**

Nghề chính:.....Vùng hoạt động:

Nghề phụ 1:.....Vùng hoạt động:

Nghề phụ 2:.....Vùng hoạt động:

Thời hạn của Giấy phép đến hết ngày....tháng.....năm

....., ngày tháng năm ...

NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*) Là 2 chữ cái đầu của tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(**) Trường hợp cấp phép cho tàu đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; trường hợp cấp phép cho tàu hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản thì xóa bỏ nội dung đánh bắt nguồn lợi thủy sản.

QUY TRÌNH**Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản
lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
A. Trường hợp cấp mới giấy xác nhận			
1	Đơn đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè/ đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản	01	Bản sao
3	Sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi (có xác nhận của chủ cơ sở nuôi trồng thủy sản).	01	Bản chính
B. Trường hợp cấp lại giấy xác nhận			
1	Đơn đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/ đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy xác nhận đăng ký đã được cấp (trừ trường hợp bị mất)	01	Bản chính
3	Trường hợp có sự thay đổi chủ cơ sở nuôi phải có giấy tờ chứng minh; thay đổi diện tích ao nuôi, mục đích sử dụng phải có sơ đồ mặt bằng vị trí ao/lồng nuôi (có xác nhận của chủ cơ sở)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
------------------------------	-----------------	--------

Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Không
---	---	-------

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. * Đối với trường hợp nộp hồ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Nuôi trồng thủy sản.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			(04 giờ)		
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Nuôi trồng thủy sản	1,5 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 06 hoặc Văn bản từ chối	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy xác nhận theo BM 06. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập Dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy xác nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy xác nhận/Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	01 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy xác nhận/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Đơn đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè/ đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu số 26.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Đơn đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/ đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu số 28.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

4	BM 04	Đơn đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè/ đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu số 26.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
5	BM 05	Đơn đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/ đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu số 27.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
6	BM 06	Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (theo Mẫu số 28.NT Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 26/2019/NĐ-CP)
7	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy sản;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/
ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC**

Kính gửi: (Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh).

1. Họ tên chủ cơ sở:
2. Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân (đối với chủ cơ sở không phải là doanh nghiệp) hoặc mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ của cơ sở:
4. Điện thoại..... ; Số Fax.....; Email.....
5. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
6. Diện tích/thể tích nuôi trồng thủy sản (ha/m³):
7. Hình thức nuôi¹:.....

Đề nghị(tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực cho cơ sở theo thông tin sau:

TT	Ao/bể/lồng nuôi ²	Đối tượng thủy sản nuôi	Địa chỉ ao/bể/lồng nuôi ³	Diện tích ao/bể/lồng nuôi (m ² /m ³)
1				

¹ Hình thức: Thâm canh/Bán thâm canh/Khác (ghi rõ hình thức nuôi).

² Ghi rõ vị trí, địa điểm ao/bể nuôi đối tượng chủ lực/lồng nuôi theo sơ đồ khu nuôi.

³ Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã huyện.

2				
3				
...				

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai.

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ LẠI

NUÔI TRỒNG THỦY SẢN LỒNG BÈ/ĐỐI TƯỢNG THỦY SẢN NUÔI CHỦ LỰC

Kính gửi: (Tên cơ quan xác nhận đăng ký)

1. Họ tên chủ cơ sở:
2. Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân (đối với chủ cơ sở không phải là doanh nghiệp) hoặc mã số doanh nghiệp:
3. Địa chỉ của cơ sở:
4. Điện thoại.....; Số Fax.....; Email.....
5. Đối tượng thủy sản nuôi:
6. Tổng diện tích của cơ sở (ha):
7. Tổng diện tích/thể tích nuôi (ha/m³):
8. Hình thức nuôi¹⁰:.....
9. Lý do đề nghị xác nhận lại:
 - a) Bị mất, rách:
 - b) Thay đổi chủ cơ sở nuôi; diện tích ao nuôi; đối tượng nuôi; mục đích sử dụng:
 (Điền thông tin theo bảng ở dưới).

Đề nghị (tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh) xác nhận đăng ký lại nuôi trồng thủy sản lồng bè/đối tượng thủy sản nuôi chủ lực cho cơ sở theo thông tin sau:

TT	Mã số nhận diện ao/bể nuôi đã	Địa chỉ ao/bể nuôi ¹¹	Thay đổi đối tượng nuôi	Thay đổi mục đích sử dụng	Thay đổi diện tích ao nuôi (m ²)	Thay đổi chủ cơ sở

¹⁰ Hình thức: Thâm canh/Bán thâm canh/Khác (ghi rõ hình thức nuôi).

¹¹ Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã huyện.

	được cấp		Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới	Cũ	Mới
1										
...										

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

CHỦ CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

BM 06

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....
..... (Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh)

Căn cứ Quyết định.....chức năng nhiệm vụ.....;

Căn cứ Nghị định số/2019/NĐ-CP ngày ..tháng...năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Thủ trưởng (Tên cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh).....

GIẤY XÁC NHẬN
(Lần:, ngày ... tháng ... năm)

Số:/20...

Họ, tên chủ cơ sở:

Số căn cước công dân/CMTND (đối với chủ cơ sở nuôi không phải là doanh nghiệp) hoặc mã số doanh nghiệp do, cấp ngày.....

Địa chỉ cơ sở:.....

Số điện thoại:..... Số Fax:

Email (nếu có):.....

Mã số cơ sở nuôi (AA-BB-CCCCC) có mã số nhận diện từng ao/bể/lồng nuôi như sau:

TT	Mã số nhận diện ao/bể/lồng nuôi ¹²	Ao/bể/lồng nuôi ¹³	Diện tích ao/bể/lồng nuôi (m ²)	Địa chỉ ao/bể/lồng nuôi ¹⁴
1	AA-BB-CCCCC-DDDD			
2				
....				

Trong đó:

AA là mã số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được quy định tại Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bảng danh mục và mã số các đơn vị hành chính Việt Nam;

BB là mã số đối tượng nuôi: đối tượng nuôi lồng bè là 00; cá tra là 01; tôm nước lợ (tôm sú, tôm thẻ chân trắng) là 02;

CCCCC là số thứ tự cơ sở nuôi được cấp từ 000001 đến 999999;

DDDD là số thứ tự ao/bể/lồng bè của cơ sở nuôi, được cấp theo thứ tự từ 0001 đến 9999. Mỗi ao/bể/lồng bè nuôi có duy nhất một mã số.

Nơi nhận:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

¹² Mã số đăng ký ao/bể/lồng nuôi được cấp cho cơ sở theo từng ao/bể/lồng nuôi.

¹³ Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao/bể/lồng nuôi theo sđ đđ mđt bđng vđ trf ao/bđ/lđng nuôi.

¹⁴ Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

QUY TRÌNH**Cấp, cấp lại giấy Chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
A. Trường hợp cấp mới giấy Chứng nhận			
1	Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng (theo Mẫu)	01	Bản sao - Trường hợp nguyên liệu thủy sản chưa sử dụng hết: Nộp bản chính để cơ quan thẩm quyền xác nhận phần nguyên liệu chưa sử dụng. - Trường hợp nguyên liệu thủy sản đã sử dụng hết: cơ quan thẩm quyền thu bản chính và lưu hồ sơ.
2	Một trong các giấy tờ sau: - Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường Châu Âu (theo Mẫu); - Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương (theo Mẫu); - Giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin.	01	Bản chính
3	Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản	01	Bản chính

	được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải (theo Mẫu)		
B. Trường hợp cấp lại giấy Chứng nhận			
1	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu) hoặc giấy chứng nhận theo yêu cầu của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu đã kê khai đầy đủ thông tin	01	Bản chính
3	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn, bị sai thông tin (trừ trường hợp giấy chứng nhận bị mất)	01	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc BM 06 hoặc Văn bản từ chối	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy chứng nhận theo mẫu BM 05 hoặc BM 06. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận/ Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy chứng nhận/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng (theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)

5	BM 05	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương);
7	BM 07	Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải (theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)
	BM 08	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác có mô tả nguyên liệu đã sử dụng (theo mục B Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT đối với sản phẩm xuất khẩu vào thị trường các nước thuộc Ủy ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương);
7	BM 07	Thông tin bổ sung cho sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá Việt Nam và Thông tin vận tải (theo Mẫu số 02a, 02b Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)
8	BM 08	Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai

		thác (theo Mẫu số 05 Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT)
9	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 13/2020/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác.

MẪU GIẤY XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC

A. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC

Số xác nhận: XXXXX/20/SC-AA-BB ¹							Tổ chức, cá nhân đề nghị xác nhận:					
Tên tổ chức quản lý cảng cá:							Địa chỉ:					
Địa chỉ:							Điện thoại: ; Fax: ; Email:					
Điện thoại:							Tổ chức, cá nhân được ủy quyền xác nhận:					
Fax:							Địa chỉ:					
Email:							Điện thoại: ; Fax: ; Email:					
Thông tin tàu cá							Mô tả sản phẩm					
Số đăng ký tàu	Họ và tên chủ tàu/thuyền trưởng	Chiều dài lớn nhất của tàu (m)	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có)	Nghề khai thác thủy sản ²	Số giấy phép khai thác	Thời hạn Giấy phép	Vùng ³ và thời gian khai thác	Tên loài thủy sản	Ngày bốc dỡ thủy sản	Tổng khối lượng nguyên liệu mua từ tàu cá (kg)	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg)	Ghi chú
									Tổng			

....., ngày ... tháng ... năm

Tổ chức quản lý cảng cá
(ký tên, đóng dấu)

¹ XXXXX, gồm 5 số là số thứ tự của giấy xác nhận; 20..... là năm xác nhận;

AA là mã của tỉnh theo Phụ lục IV; BB là viết tắt 02 chữ đầu tên cảng cá.

² Nghề khai thác thủy sản theo mã tại Phụ lục V.

³ Vùng khai thác thủy sản theo mã tại Phụ lục VI.

B. MÔ TẢ NGUYÊN LIỆU

Mô tả nguyên liệu đã sử dụng đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác (lần)/Description of raw materials used for the Catch Certificate					
TT No.	Tên tàu/Số đăng ký của tàu	Tên loài thủy sản	Khối lượng nguyên liệu đã sử dụng (kg)	Khối lượng sản phẩm đề nghị chứng nhận ⁴	Chữ ký và dấu của nhà máy chế biến ⁵
1					
2					
3					
...					

....., ngày tháng năm

Tổ chức, cá nhân xuất khẩu
(ký tên, đóng dấu)

C. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU:....., ngày tháng năm

[Cơ quan quản lý Thủy sản cấp tỉnh] xác nhận khối lượng còn lại của nguyên liệu thủy sản trong Giấy xác nhận sau khi cấp Giấy chứng nhận số:

1.

2.

3.


n.

Thủ trưởng đơn vị
(ký tên, đóng dấu)

⁴ Khối lượng nguyên liệu đã sơ chế (đánh vảy, cắt vảy, đầu, bỏ nội tạng...) không bao gồm phụ gia.

⁵ Nếu nhà máy chế biến không phải tổ chức cá nhân xuất khẩu.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC

 <p style="text-align: center;">MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN DIRECTORATE OF FISHERIES TỔNG CỤC THỦY SẢN</p>						
CATCH CERTIFICATE						
CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC						
Document number số chứng nhận.XXXX/20..../CC-AA						
1. Authority's name Tên cơ quan thẩm quyền			Address Địa chỉ		Tel..... Fax.....	
2. Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix 2a Thông tin về tàu cá khai thác chi tiết xem Phụ đính 2a kèm theo						
3. Description of Products Mô tả sản phẩm ⁽¹⁾			Type of processing authorized on board (if available) Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có)			
Species Loài	Product code Mã sản phẩm	Catch area(s) and dates Vùng và thời gian khai thác	Estimated live weight Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng ⁽²⁾ (kg)	Estimated weight to be landed Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) ⁽³⁾ (kg)	Verified weight landed Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận ⁽⁴⁾ (kg)	

4. References of applicable conservation and management measures Tham chiếu các quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ⁽⁵⁾					
.....					
.....					
5. Name of master of fishing vessel - Signature - seal Tên thuyền trưởng tàu cá - Chữ ký - dấu ⁽⁶⁾					
(Information details is indicated on the logbook of fishing vessel, if request Thông tin chi tiết xem nhật ký khai thác thủy sản, gửi kèm khi có yêu cầu)					
6. Declaration of transshipment at sea Khai báo chuyển tải trên biển ⁽⁷⁾ (nếu có):		No không <input type="checkbox"/>	Yes có <input type="checkbox"/>		
		(Information details is indicated on the logbook of receiving vessel, if request Thông tin chi tiết xem nhật ký khai thác thủy sản, gửi kèm khi có yêu cầu)			
name of master of fishing vessel) (Tên thuyền trưởng tàu khai thác)		Signature and date Chữ ký và ngày		Transshipment date/area/position Ngày/khu vực/vị trí chuyển tải	Estimated weight Khối lượng ước tính (kg)
Master of receiving vessel/ representative Tên thuyền trưởng tàu nhận/ Người đại diện	Signature Chữ ký	Vessel name Tên tàu		Call sign Hô hiệu	IMO/ Lloyd's number (if issued) Số IMO, Lloyd's (nếu có)
7. Transshipment authorization within a Port area Xác nhận chuyển hàng tại cảng					
Signature Chữ ký	Address Địa chỉ:	Tel Điện thoại	Port of landing Cảng lên cá	Date of landing Ngày lên cá	Seal (stamp) Dấu
8. Name and address of exporter Tên chủ hàng xuất khẩu			Signature Chữ ký	Date Ngày	Seal Dấu
9. Flag state authority validation Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ					
Full name Họ và tên		Signature Chữ ký:		Date Ngày	Seal Dấu

Title Chức vụ				
10. Transport details, see Appendix 2b attached Thông tin vận tải, xem Phụ đính 2b kèm theo				
11. Importer declaration Khai báo của đơn vị nhập khẩu				
Name of importer Tên đơn vị nhập khẩu	Signature Chữ ký	DateNgày	Seal Dấu	Product CN code Mã CN sản phẩm
Address Địa chỉ				
As regulated by tire imported authorities: Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu:	Reference Tài liệu tham chiếu			
12. Import control - authority Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu	Place Địa điểm	Importation authorized Cho phép nhập khẩu	Importation suspended Chưa cho phép nhập khẩu	Verification requested - date Yêu cầu kiểm tra- ngày
Customs declaration, if issued Khai báo hải quan, Nếu có	Number Số		DateNgày	Place Địa điểm:

- (1). Mô tả chi tiết thông tin của lô hàng xuất khẩu: dạng đóng hộp, phối trộn, cấp đông, nguyên con, khối lượng tịnh....; khối lượng các loài...hoặc theo yêu cầu của đơn vị nhập khẩu.
- (2). Sử dụng khi thủy sản được xuất khẩu sống, khi một phần của sản phẩm khai thác cập cảng được xuất khẩu, khi các sản phẩm khai được chế biến trước khi xuất khẩu
- (3). Sử dụng khi sản phẩm khai thác cập cảng tại nước mà tàu đó treo cờ hoặc cảng nước khác và xuất khẩu toàn bộ sản phẩm;
- (4). Sử dụng khi toàn bộ khối lượng của lô hàng xuất khẩu do cơ quan có thẩm quyền cần kiểm tra trước khi chứng nhận;
- (5). Ghi tên các văn bản liên quan đến quy định quản lý và bảo tồn nguồn lợi thủy sản
- (6). Chỉ ghi trong trường hợp xuất khẩu cá sống, trường hợp sản phẩm chế biến xuất khẩu không ghi mục này.
- (7). Tích vào ô tương ứng có hoặc không, các nội dung khác để trống.

BM 06

CHỨNG NHẬN SẢN PHẨM THỦY SẢN XUẤT KHẨU CÓ NGUỒN GỐC TỪ THỦY SẢN KHAI THÁC TRONG NƯỚC THEO QUY ĐỊNH CỦA ỦY BAN QUỐC TẾ VỀ BẢO TỒN CÁ NGỪ ĐẠI TÂY DƯƠNG (ICCAT)

CATCH STATEMENT FOR RAW MATERIAL BY ICCAT's REGULATIONS

(Promulgated under Circular No: 21/2018/TT-BNNPTNT dated on 15/11/2018 by Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development)

A. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU CÁ NGỪ MẮT TO XUẤT KHẨU ĐI ICCAT

DOCUMENT NUMBER/SỐ TÀI LIỆU	ICCAT BIGEYE TUNA STATISTICAL DOCUMENT/ THÔNG KÊ SẢN LƯỢNG CÁ NGỪ MẮT TO THEO ICCAT
EXPORT SECTION/Phần xuất khẩu:	
1. FLAG COUNTRY/ENTITY/FISHING ENTITY/Tên quốc gia treo cờ	
2. DESCRIPTION OF VESSEL/Mô tả tàu thuyền (If applicable/nếu có) Vessel Name/Tên tàu Registration Number/Số đăng ký LOA(m) ICCAT Record No./Số đăng ký theo ICCAT (If applicable/nếu có)	
3. TRAPS/Phương thức dẫn dụ (If applicable/Nếu có)	
4. POINT OF EXPORT/Nơi xuất khẩu (City/Thành phố, State/Province/Tỉnh, Country/Entity/Fishing Entity/Nước xuất khẩu)	
5. AREA OF CATCH/Vùng khai thác (Check one of the following/Đánh dấu vào một trong các ô sau) (a) Atlantic <input type="checkbox"/> (b) Pacific <input type="checkbox"/> (c) Indian <input type="checkbox"/> * In case of (b) or (c) is checked, the items 6 and 7 below do not need to be filled out/Nếu mục (b) hoặc (c) được đánh dấu thì mục 6 và 7 bên dưới không cần điền thông tin.	
6. DESCRIPTION OF FISH/Mô tả sản phẩm Product Type/Loại sản phẩm (*1) Time of Harves/thời gian khai thác Gear Code/Mã ngư cụ (*2)	

F/FR	RD/GG/DR/FL/OT	(mm/yy)	Net Weight/khối lượng (kg)
<p>* 1 F=Fresh/tươi, FR=Frozen/cấp đông, RD=Round/nguyên con, GG=Gilled&Gutted/bỏ mang và nội tạng, DR=Dressed/khối lượng thân, FL=Fillet, OT=Others/kiểu khối lượng khác (Describe the type of product/Mô tả cụ thể:)</p> <p>*2 When the Gear Code is OT, Describe the type of gear/Khi mã ngư cụ là kiểu khác cần mô tả cụ thể:</p>			
<p>7. EXPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận xuất khẩu:</p> <p>I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.</p> <p>Name/Tên Address/Địa chỉ Signature/Chữ ký Date/Ngày License #/Cấp phép (If applicable/Nếu có)</p>			
<p>8. GOVERNMENT VALIDATION/Xác nhận của cơ quan thẩm quyền:</p> <p>I validate that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi xác nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.</p> <p>Total weight of the shipment/Khối lượng của lô hàng:kg</p> <p>Name & Title/Tên và chức danh Signature/Chữ ký Date/Ngày Government Seal/Đóng dấu</p>			
<p>IMPORT SECTION/Phần nhập khẩu:</p>			
<p>9. IMPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận nhập khẩu:</p> <p>I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief. Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi</p> <p>Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)</p> <p>Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép</p> <p>Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước</p>			

trung gian nhập khẩu)
 Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
 Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Final Destination of Shipment/Nước cuối cùng nhập khẩu)
 Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép
 Importer Certification (Final Destination of Shipment)
Final Point of Import/Nơi nhập khẩu cuối cùng: City/Thành phố State/Provine/Bang, tỉnh Country/Entity/Fishing Entity/Nước nhập khẩu

B. XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU CÁ KIỂM XUẤT KHẨU ĐI ICCAT

DOCUMENT NUMBER/SỐ TÀI LIỆU	ICCAT SWORDFISH STATISTICAL DOCUMENT THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG CÁ KIỂM THEO ICCAT
EXPORT SECTION/Phần xuất khẩu:	
1. FLAG COUNTRY/ENTITY/FISHING ENTITY/Tên quốc gia treo cờ;	
2. DESCRIPTION OF VESSEL/Mô tả tàu thuyền (If applicable/nếu có) Vessel Name/Tên tàu Registration Number/Số đăng lý LOA (m) ICCAT Record No./Số đăng ký theo ICCAT (If applicable/nếu có)	
3. POINT OF EXPORT/Điểm xuất khẩu: City, State or Province/Thành phố, tỉnh Country/Entity/Fishing Entity/Nước xuất khẩu:	
4. AREA OF CATCH/Vùng khai thác (Check one of the following/đánh dấu vào một trong các ô sau) (a) North Atlantic <input type="checkbox"/> (b) South Atlantic <input type="checkbox"/> (c) Mediterranean <input type="checkbox"/> (d) Pacific <input type="checkbox"/> (e) Indian <input type="checkbox"/> * In case of (d) or (e) is checked, the items 5 and 6 below do not need to be filled out./Trường hợp (d) hoặc (e) được đánh dấu thì mục 5 và 6 không cần phải điền thông tin.	

5. DESCRIPTION OF FISH/Mô tả sản phẩm

Product Type/Loại sản phẩm (*1) Time of Harvest/thời gian khai thác Gear Code/Mã ngư cụ (*2)

F/FR	RD/GG/DR/FL/OT	(mm/yy)	Net Weight/khối lượng (kg)

*1 F=Fresh/tươi, FR=Frozen/cấp đông, RD=Round/nguyên con, GG=Gilled&Gutted/bỏ mang và nội tạng, DR=Dressed/khối lượng thân, FL=Fillet,

OT=Others/kiểu khối lượng khác (Describe the type of product/Mô tả cụ thể:)

*2 When the Gear Code is OT, Describe the type of gear/Khi mã ngư cụ là kiểu khác cần mô tả cụ thể:)

6. EXPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận cho nhà xuất khẩu: For export to countries that have adopted the ICCAT alternative minimum size for swordfish the exporter must certify that the listed Atlantic swordfish are greater than 15 kg (33 lb.) or if pieces, the pieces were derived from a swordfish weighing >15 kg. Khi xuất khẩu tới những nước đã thông qua quy định về kích thước tối thiểu cho phép khai thác đối với cá Kiếm, nhà xuất khẩu phải chứng nhận rằng cá Kiếm Đại Tây Dương có trong danh sách phải lớn hơn 15 kg (33 lb) hoặc sản phẩm xuất khẩu được làm từ cá Kiếm có khối lượng lớn hơn 15 kg (33 lb)

I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief.

Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.

Name/Tên Address/Địa chỉ Signature/Chữ ký Date/Ngày License #/Cấp phép (If applicable/Nếu có)

7. GOVERNMENT VALIDATION/Xác nhận của cơ quan thẩm quyền:

I validate that the above information is complete, true and correct to the best of my

knowledge and belief.

Tôi xác nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi.

Total weight of the shipment/Khối lượng của lô hàng:kg

Name & Title/Tên và chức danh Signature/Chữ ký Date/Ngày Government Seal/Đóng dấu

IMPORT SECTION/Phần nhập khẩu:

8. IMPORTER CERTIFICATION/Chứng nhận nhập khẩu:

I certify that the above information is complete, true and correct to the best of my knowledge and belief.

Tôi chứng nhận các thông tin trên là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết của tôi

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Intermediate Country/Entity/Fishing Entity/Nước trung gian nhập khẩu)

Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification/Chứng nhận của nhà nhập khẩu (Final Destination of Shipment/Nước cuối cùng nhập khẩu)

Name/tên Address/địa chỉ Signature/chữ ký Date/ngày License # (If applicable/Nếu có)/Cấp phép

Importer Certification (Final Destination of Shipment)

Final Point of Import/Nơi nhập khẩu cuối cùng: City/Thành

phố State/Provine/Bang, tỉnh

Country/Entity/Fishing Entity/Nước nhập khẩu

									Tổng/ Total			

⁹ Khối lượng nguyên liệu tại chú thích 4

Attached to the Catch certificate/Đính kèm Chứng nhận số:

Nhà máy chế biến (Không phải của tổ chức, cá nhân xuất khẩu) Processing plant (if different from the processing plant)		Cơ quan thẩm quyền/validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal	Tên và địa chỉ/Name and address	
Tổ chức, cá nhân xuất khẩu/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày/Date
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

“Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên”

“I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export”

THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS

Số chứng nhận/Document number
1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation:

Cảng/sân bay/địa điểm xuất phát khác/Port/airport/other place of departure:

Tên tàu/nước treo cờ/Vessel name/flag:

Số chuyến/số vận đơn đường biển/Voyage No./Bill of landing No:

Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không/Flight number/Airway bill number:

Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number:

Số vận đơn đường sắt/Railway bill number:

Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:

2. Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature

Số công-ten-nơ, xem danh sách kèm theo Container number (s), see list below	Tên của nhà xuất khẩu Name of Exporter	Địa chỉ Address	Chữ ký Signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng ... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI

GIẤY CHỨNG NHẬN NGUỒN GỐC THỦY SẢN KHAI THÁC

Kính gửi:

Tên đơn vị đề nghị:; Điện thoại:

Địa chỉ:

.....

Giấy ĐKKD số:; Ngày cấp:

Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác số: đã được
cơ quan cấp ngày tháng năm

Lý do đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận:

.....

.....

.....

Đề nghị cơ quan thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác để lô hàng của chúng tôi đủ điều kiện xuất khẩu theo yêu cầu của

Chúng tôi cam đoan về những nội dung trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về thông tin đã kê khai./.

Đại diện chủ hàng
(ký tên, đóng dấu)

QUY TRÌNH**Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
A. Trường hợp tàu đóng mới			
1	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp (theo Mẫu)	01	Bản chính
3	Văn bản chấp thuận đóng mới đối với tàu cá	01	Bản chính
4	Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế	01	Bản chính
5	Ảnh màu (9 x 12 cm) chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu	02	Bản chính
6	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên)	01	Bản sao
B. Trường hợp tàu cải hoán			
1	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (theo Mẫu)	01	Bản chính
3	Giấy chứng nhận đăng ký cũ	01	Bản chính
4	Văn bản chấp thuận cải hoán đối với tàu cá	01	Bản chính
5	Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan	01	Bản chính

	thuế		
6	Ảnh màu (9 x 12 cm) chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu	02	Bản chính
7	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên)	01	Bản sao
C. Trường hợp tàu được mua bán, tặng cho			
1	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định	01	Bản chính
3	Văn bản chấp thuận mua bán tàu cá, trừ trường hợp tàu cá mua bán trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	01	Bản chính
4	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu	01	Bản chính
5	Giấy chứng nhận xóa đăng ký	01	Bản chính
6	Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế	01	Bản chính
7	Ảnh màu (9 x 12 cm) chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu	02	Bản chính
8	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên)	01	Bản sao
D. Trường hợp tàu nhập khẩu			
1	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Văn bản cho phép nhập khẩu tàu cá của cơ quan có thẩm quyền	01	Bản sao

3	Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng	01	Bản chính
4	Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan	01	Bản sao
5	Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam	01	Bản sao
6	Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế	01	Bản chính
7	Ảnh màu (9 x 12 cm) Chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu	02	Bản chính
8	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên)	01	Bản sao
E. Trường hợp tàu thuộc diện thuê tàu trần			
1	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp	01	Bản chính
3	Hợp đồng thuê tàu trần	01	Bản chính
4	Ảnh màu (9 x 12 cm) chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu	02	Bản chính
5	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu (đối với tàu có chiều dài lớn nhất từ 12 mét trở lên)	01	Bản sao
6	Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá đã qua sử dụng	01	Bản chính
7	Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan	01	Bản sao

8	Biên lai nộp các khoản thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam	01	Bản sao
---	--	----	---------

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp: Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598</p> <p>- Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn</p> <p>- Nộp hồ sơ trực tuyến: trang thông tin điện tử https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/</p>	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Đối với trường hợp nộp</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>hồ qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến qua trang thông tin điện tử https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyên hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 07 hoặc Văn bản từ chối	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy chứng nhận theo BM 07. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					- Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận/ Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy chứng nhận/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ

4	BM 04	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp (theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
7	BM 07	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản (theo Mẫu số 02.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp (theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
6	BM 06	Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (theo Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
7	BM 07	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
8	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ, TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ... =.....; d =.....

Vật liệu vỏ:.....; Tổng dung tích (GT):.....

Sức chở tối đa, *tấn*: Số thuyền viên, *người*.....

Nghề chính: Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, KW	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tài đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀI

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:

Nơi đóng:

Địa chỉ:

Năm đóng:

Ký hiệu thiết kế:

Đơn vị thiết kế thiết kế:

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (KW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GCNXX

....., ngày... tháng... năm ...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:

Nơi cải hoán, sửa chữa:

Địa chỉ:

Năm cải hoán tàu:

Ký hiệu thiết kế:

Đơn vị thiết kế:

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: $L_{max} = \dots$; $B_{max} = \dots$; $D = \dots$ $L_{tk} = \dots$; $B_{tk} = \dots$; $d = \dots$

Vật liệu vỏ:, Cấp tàu:

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (KW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

N⁰.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY
FISHERIES(*)

.....(**).....

Chúng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries() with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu:

Hô hiệu:

*Name of Vessel**Signal Letters*

Chủ tàu:

Nơi thường trú:

*Vessel owner**Residential Address*

Kiểu tàu:

Công dụng (nghề):

*Type of Vessel**Used for (fishing gear)*

Tổng dung tích, GT:

Trọng tải toàn phần:

*Gross Tonnage**Dead weight*Chiều dài L_{max} , m:Chiều rộng B_{max} , m:*Length overal**Breadth overal*Chiều dài thiết kế L_{tk} , m:Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m:*Length**Breadth*

Chiều cao mạn D, m:

Draught

Chiều chìm d, m:

Depth

Vật liệu vỏ:

Materials

Tốc độ tự do hl/h:

Speed

Năm và nơi đóng:

Year and Place of Build

Số lượng máy:

Number of Engines

Tổng công suất (KW):

Total power

Ký hiệu máy <i>Type of machine</i>	Số máy <i>Number engines</i>	Công suất (KW) <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>
.....
.....

Cảng đăng ký:

Port Registry

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Register of Vessels

Số đăng ký:

Number or registry

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến(***):

This certificate is valid until

Cấp tại, ngàytháng... năm.....

*Issued at**Date***THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU**

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU^(*)**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Chú thích: () Gạch bỏ chỗ không phù hợp;*

*(**) Tên cơ quan đăng ký: - Tổng cục Thủy sản;*

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

*(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trên đối với trường hợp thuê tàu trên, không thời hạn đối với các trường hợp khác.*

*(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.*

QUY TRÌNH**Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do	01	Bản chính
3	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu	01	Bản sao
4	Ảnh màu (9 x 12 cm) chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu	02	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Tiếp nhận,	Bộ phận Một cửa	Giờ hành	BM 01 BM 02	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	kiểm tra hồ sơ		chính	BM 03	<p>hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03.</p> <p>* Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyên hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Theo mục I BM 01	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản từ chối	<p>Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy chứng nhận theo BM 05. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận/ Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy chứng nhận/Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	<ul style="list-style-type: none"> - Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;
- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận

ơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm.....

TỜ KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN^(*)

Kính gửi:

Họ tên người khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân/căn cước công dân số:.....Ngày cấp

Nơi cấp

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá/tàu công vụ thủy sản^(*) với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu: $L_{max} = \dots$; $B_{max} = \dots$; $D =$

$L_{tk} = \dots$; $B_{tk} = \dots$; $d =$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Sức chở tối đa, *tấn*: Số thuyền viên, *người*

Nghề chính: Nghề kiêm:

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, KW	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

.....

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

N^o.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ

TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN(*)

REGISTRATION CERTIFICATE OF FISHING VESSEL/SHIPS DUTY
FISHERIES(*)

.....(**).....

Chúng nhận tàu cá/tàu công vụ thủy sản(*) có các thông số dưới đây đã được đăng ký vào Sổ Đăng ký tàu cá Việt Nam:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries() with the following specifications has been registered into The Vietnam National Vessel Registration Book:*

Tên tàu:	Hồ hiệu:
<i>Name of Vessel</i>	<i>Signal Letters</i>
Chủ tàu:	Nơi thường trú:
<i>Vessel owner</i>	<i>Residential Address</i>
Kiểu tàu:	Công dụng (nghề):
<i>Type of Vessel</i>	<i>Used for (fishing gear)</i>
Tổng dung tích, GT:	Trọng tải toàn phần:
<i>Gross Tonnage</i>	<i>Dead weight</i>
Chiều dài L_{max} , m:	Chiều rộng B_{max} , m:
<i>Length overal</i>	<i>Breadth overal</i>
Chiều dài thiết kế L_{tk} , m:	Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m:

Length

Chiều cao mạn D, m:

Draught

Vật liệu vỏ:

Materials

Năm và nơi đóng:

*Year and Place of
Build*

Số lượng máy:

Number of Engines

Ký hiệu máy

Type of machine

Số máy

*Number engines**Breadth*

Chiều chìm d, m:

Depth

Tốc độ tự do hl/h:

Speed

Tổng công suất (KW):

Total power

Công suất (KW)

Power

Năm và nơi chế tạo

Year and place of manufacture

.....

.....

Cảng đăng ký:

Port Registry

Số đăng ký:

Number or registry

Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

*Register of Vessels*Giấy chứng nhận này có hiệu lực
đến(**):

Cấp tại, ngàytháng... năm...

*Issued at**Date**This certificate is valid
until*

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ
TÀU**

THÔNG TIN VỀ CHỦ SỞ HỮU TÀU(*)**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân	Tỷ lệ cổ phần (%)

Chú thích: () Gạch bỏ chỗ không phù hợp;*

*(**) Tên cơ quan đăng ký: - Tổng cục Thủy sản;*

- Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh.

*(***) Ghi thời hạn theo thời hạn thuê tàu trần đối với trường hợp thuê tàu trần, không thời hạn đối với các trường hợp khác.*

*(****) Đối với trường hợp tàu thuộc sở hữu nhiều chủ.*

QUY TRÌNH**Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3362/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

STT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (theo Mẫu)	01	Bản chính
2	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, hợp đồng đóng tàu, biên bản nghiệm thu xuất xưởng	01	Bản sao
3	Các giấy tờ đối với tàu nhập khẩu, thuê tàu trần từ nước ngoài về cảng đầu tiên của Việt Nam, gồm: - Văn bản cho phép nhập khẩu hoặc thuê tàu trần; - Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp tàu cá đã qua sử dụng; - Hợp đồng đóng tàu và thanh lý hợp đồng đóng tàu đối với tàu đóng mới; - Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật hoặc giấy chứng nhận phân cấp còn hiệu lực từ 06 tháng trở lên do tổ chức đăng kiểm nước có tàu cấp; - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với trường hợp chủ tàu là tổ chức; - Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với chủ tàu là cá nhân.	01	Bản sao
4	Ảnh màu (9 x 12 cm) chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu)	02	Bản chính

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận Một cửa tại Chi cục Thủy sản - Địa chỉ: 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM - Điện thoại/Fax: 028.39901598 - Email: ccts.snn@tphcm.gov.vn	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Nộp hồ sơ	Tổ chức, cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	BM 01 BM 02 BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01, thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. <p>* Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính: trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc Bộ phận Một cửa phải kiểm tra tính đầy đủ của hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân biết để bổ sung.</p>
B2	Chuyển hồ sơ	Bộ phận Một cửa	0,5 ngày làm việc	Theo mục I	Chuyển hồ sơ cho Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
			(04 giờ)	BM 01	sản.
B3	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Theo mục I BM 01	Phân công hồ sơ cho Chuyên viên thụ lý
B4	Thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Chuyên viên Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	01 ngày làm việc	Theo mục I BM 01 BM 05 hoặc Văn bản trả lời	Chuyên viên thụ lý hồ sơ tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết: - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: lập Dự thảo Giấy chứng nhận theo BM 05. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: lập dự thảo văn bản trả lời từ chối cấp Giấy chứng nhận và nêu rõ lý do. - Trình lãnh đạo Phòng xem xét.
B5	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Khai thác và Phát triển nguồn lợi thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Lãnh đạo Phòng xem xét hồ sơ, ký nháy Giấy chứng nhận/ Văn bản trả lời trình lãnh đạo Chi cục ký duyệt.
B6	Ký duyệt	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản	0,5 ngày làm việc (04 giờ)	Hồ sơ trình	Ký duyệt Giấy chứng nhận/ Văn bản trả lời.
B7	Ban hành văn bản	Văn thư Chi cục Thủy sản	0,25 ngày làm việc (02 giờ)	Hồ sơ đã được ký duyệt	- Cho số, vào sổ, đóng dấu, ban hành văn bản. - Chuyển kết quả về Bộ phận

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					Một cửa.
B8	Trả kết quả, lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Bộ phận Một cửa	Theo giấy hẹn	Kết quả	- Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân. - Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

Các biểu mẫu sử dụng tại các bước công việc:

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Phiếu yêu cầu bổ sung và hoàn thiện hồ sơ

3	BM 03	Phiếu từ chối giải quyết tiếp nhận hồ sơ
4	BM 04	Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (theo Mẫu số 08.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
5	BM 05	Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá (theo Mẫu số 09.ĐKT Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT)
6	//	Các thành phần hồ sơ khác theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Thủy sản năm 2017;

- Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá;

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TẠM THỜI TÀU CÁ

Declaration for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền cấp đăng ký tàu cá)

To: (Name of competent authority registration of fishing vessel, ships duty fisheries)

Người đề nghị:.....

Applicant

Nơi thường trú:

Residential Address:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá với nội dung dưới đây:

Kindly for temporary registration of fishing vessel/ships duty fisheries^() with the following particulars:*

1. Các thông số kỹ thuật cơ bản của tàu:

Basic specifications of ship

Tên tàu:..... Hô hiệu:

Name of Vessel *Call sign*

Kiểu tàu: Vật liệu:

Type of Vessel *Materials*

Công dụng/ngành:

Used for/fishing gears

Năm và nơi đóng
Year and Place of Build

Chiều dài lớn nhất Lmax..... Chiều dài thiết kế Ltk.....
Length overall *Length*

Chiều rộng lớn nhất B_{max}.....Chiều rộng thiết kế B_{tk}.....

Breadth overall Breadth

Chiều cao mạn D Chiều chìm d

Draught Depth

Tổng dung tích: Trọng tải:

Gross tonnage (GT) Deadweight (DW)

Số lượng máy Tổng công suất.....

Number of engines Total Power

Kiểu máy <i>Type</i>	Số máy <i>Number</i>	Công suất <i>Power</i>	Năm và nơi chế tạo <i>Year and place of manufacture</i>

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

The name, address and value of shares of each ownership

TT	Họ và tên <i>Full name</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Chứng minh nhân dân <i>Identification card</i>

3. Lý do xin đăng ký tạm thời tàu:.....

Reasons to temporary registration of ship

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

I pledge to use the vessel in accordance with the registered content and strictly comply with the provisions of the law of the Vietnamese.

....., ngàythángnăm

.....,Date.....

CHỦ TÀU

Shipowner

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(sign, full name and stamp)

Ghi chú (note):

* Gạch bỏ chỗ không phù hợp.

Remove the wrong place

** - Cơ quan quản lý thủy sản của tỉnh là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*the provincial fisheries management agency is the Agriculture and Rural Development Department*)

- Cơ quan quản lý thủy sản trung ương là Tổng cục Thủy sản (*the central fisheries management agency is the Directorate of Fisheries*).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI

TÀU CÁ/TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN (*)

Certificate of temporary registration of import Fishing Vessel/ships duty fisheries^(*)

.....(**).....

Chứng nhận tàu cá có các thông số dưới đây đã được đăng ký:

Hereby certifies that the fishing vessel/ship duty fisheries^() with the following specifications has been temporarily registered*

Tên tàu: Hô hiệu:

Name of Vessel *Signal Letters*

Chủ tàu: Nơi thường trú:

Vessel owner *Residential Address*

Kiểu tàu: Công dụng (nghề):

Type of Vessel *Used for (fishing)*

Tổng dung tích, GT: Trọng tải toàn phần:.....

Gross Tonnage *Dead weight*

Chiều dài L_{max} m: Chiều rộng B_{max} m:

Length overal *Breadth overal*

Chiều dài thiết kế L_{tk} , m: Chiều rộng thiết kế B_{tk} , m:

Length

Breadth

Chiều cao mạn D , m: Chiều chìm d , m:

Draught

Depth

Vật liệu vỏ: Tốc độ tự do h/h:

Materials

Speed

Năm và nơi đóng:

Year and Place of Build

Số lượng máy: Tổng công suất (KW):

Number of Engines

Total power

Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (KW)	Năm và nơi chế tạo
<i>Type of machine</i>	<i>Number engines</i>	<i>Power</i>	<i>Year and place of manufacture</i>
.....

Nơi đăng ký: Cơ sở đăng kiểm tàu cá:

Place Registry

Register of Vessels

Số đăng ký: Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày

Number or registry

This certificate is valid until

Cấp tại, ngàytháng... năm.....

Issued at

Date

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU
(Ký tên và đóng dấu)

Chú thích: (*) Gạch bỏ chỗ không phù hợp;

Remove the wrong place

(**) Tên cơ quan đăng ký

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng